

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Tuyến đường nối từ nút T24 đường trục Khu kinh tế
Nhơn Hội ra biển tại Khu kinh tế Nhơn Hội**

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh giải quyết một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ban Quản lý Dự án và Giải phóng mặt bằng Khu kinh tế tại Văn bản số 233/DAGPMB-QLDA ngày 19/6/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Tuyến đường nối từ nút T24 đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội ra biển (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý Khu kinh tế (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Khu kinh tế Nhơn Hội với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND thị trấn Cát Tiến;
- Ban QLDA GPMB KKT;
- Lãnh đạo Ban;
- Phòng: QLĐT, QLQH XD;
- Văn phòng Ban (công khai trên Website);
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG NỘI TỪ NÚT T24 ĐƯỜNG TRỤC KHU KINH TẾ NHƠN HỘI RA BIỂN TẠI KHU KINH TẾ NHƠN HỘI, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQL ngày tháng 6 năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

1. Thông tin về dự án**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Tuyến đường nối từ nút T24 đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội ra biển.

- Địa điểm thực hiện: Khu kinh tế Nhơn Hội, tại thôn Phú Hậu, thị trấn Cát tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

1.2. Quy mô, công suất, phạm vi của dự án:

- Đầu tư xây dựng Tuyến đường nối từ nút T24 đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội ra biển theo tiêu chuẩn đường đô thị.

- Dự án Nhóm C.

- Loại công trình giao thông đường bộ cấp 4.

- Phạm vi đầu tư:

+ Điểm đầu tiếp giáp tại Nút T24 thuộc đường trục Khu kinh tế.

+ Điểm cuối tiếp giáp biển Trung Lương thị trấn Cát Tiến.

- Tổng chiều dài tuyến đầu tư xây dựng $L = 617,6$ m.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

- Các hạng mục công trình chính của dự án: Xây dựng Tuyến đường nối từ nút T24 đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội ra biển. Tổng chiều dài tuyến đầu tư xây dựng $L = 617,6$ m; Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 40,0$ m; công trình thoát nước của tuyến đường; Bó vỉa, vỉa hè, dải phân cách; hạng mục cấp điện chiếu sáng, cây xanh.

- Các hạng mục công trình phụ trợ dự án: phục vụ thi công, xây dựng: Bãi chứa nguyên vật liệu diện tích khoảng 200m^2 ; Bãi lưu chứa tạm đất đào, cát có diện tích khoảng 500m^2 ; lán trại tạm; Đường công vụ phục vụ thi công với chiều dài $617,6$ m, bề rộng mặt đường 07 m, kết cấu đắp cấp phối đồi K95 dày trung bình 30 cm.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất thuộc quy hoạch rừng phòng hộ với diện tích là $1,9$ ha là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động thi công đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại có khả năng tác động xấu đến môi trường trong và lân cận khu vực triển khai dự án và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, cháy, nổ,...

- Trong giai đoạn vận hành: Hoạt động của các phương tiện lưu thông trên tuyến đường phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân với lưu lượng khoảng 0,72 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị khoảng 02 m³/ngày. Thành phần chứa nhiều cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công; Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động cán bộ, công nhân khoảng 13,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,....

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng và thi công xây dựng phát sinh khoảng 40 m³ thực bì; 778,8 m³ xà bần.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 34 kg/năm. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, pin thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm,.. hoạt động đầm nén nền đường phát sinh tiếng ồn ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực thi công dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.
- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng gây tác động đến cân bằng hệ sinh thái, điều kiện vi khí hậu, cảnh quan môi trường...
- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý hoặc thuê nhà vệ sinh của người dân tại khu vực.
- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn ra các mương thoát nước tại khu vực, giải quyết thoát nước nhanh, tránh hiện tượng cuốn trôi vật liệu rác thải nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường. Xây dựng hệ thống thoát nước tuân thủ theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.
- Nước thải xây dựng: hạn chế lượng nước sử dụng trong quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị, thực hiện an toàn về máy móc, thiết bị thi công, hạn chế tối đa rò rỉ dầu mỡ trong quá trình thi công,...thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải:

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín, chở đúng tải trọng và tốc độ quy định.
- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.
- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát, vật liệu rơi vãi trên đường và tại khu vực thi công đảm bảo vệ sinh môi trường tại khu vực. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- #### **4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường**
- Bố trí thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại mỗi công trường thi công để thu gom và xử lý theo quy định.
 - Thu gom thực bì phát sinh trong quá trình phát quang mặt bằng, lưu chứa tại các khu vực bãi chứa tạm và hợp đồng xử lý theo đúng quy định.
 - Tận dụng toàn bộ lượng đất đào và cát tận dụng để san lấp mặt bằng khu vực thi công và trồng cây xanh dọc tuyến đường.

- Xà bần phát sinh từ quá trình phá dỡ các công trình hiện hữu được chủ đầu tư ký hợp đồng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đến vị trí đổ thải theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.
- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm, hạn chế các xe tải trọng lớn di chuyển vào ban đêm.
- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định hiện hành.
- Chủ đầu tư sẽ thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định. Tuân thủ diện tích cây xanh trong khu vực dự án, đảm bảo mật độ xây dựng quy định.
- Đối với khu vực chiếm dụng đất tạm thời sau khi kết thúc thi công tiến hành dọn dẹp, san gạt tạo bề mặt bằng phẳng.
- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.
- Giám sát nhà thầu về biện pháp thi công, công tác bảo vệ môi trường, tuyên truyền quản lý công nhân chặt chẽ, duy trì lối sống lành mạnh, cấm các tệ nạn xã hội tránh xảy ra mâu thuẫn giữa công nhân với cộng đồng dân cư địa phương.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: tại vị trí điểm đầu dự án đoạn gần khu dân cư phía Tây Bắc (tọa độ: 1.541.091; 606.811).
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn, độ rung.
- Quy chuẩn đánh giá:
 - + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2. Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn cần kiểm soát và chất thải nguy hại) tại khu vực dự án.
- Thông số giám sát: thành phần và khối lượng các chất thải phát sinh.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.